VĂN BẢN HỢP NHẤT - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

Thông tư số 24/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng tổ chức lại, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức lại tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp tổ chức tín dụng phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng bao gồm:

a) Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã;

---

[1] Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước"

b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Tổ chức tài chính vi mô.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (sau đây gọi tắt là văn phòng đại diện).

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 28, Điều 150, khoản 2 Điều 154 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

2. *Cơ quan có thẩm quyền quyết định* là cơ quan của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng có thẩm quyền quyết định việc giải thể, chấm dứt hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. *Ngân hàng mẹ* là ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam.

4. *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đặt trụ sở chính.

5. *Ủy ban nhân dân* là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đặt trụ sở chính.

Điều 4. Nguyên tắc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trước và trong quá trình thanh lý tài sản, giải thể và thu hồi Giấy phép.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) chỉ chấp thuận việc giải thể khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Việc giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 1e Chương VIII Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

4. Trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

Điều 5. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch công chứng sang tiếng Việt, trừ trường hợp hồ sơ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Điều 6. Các hành vi bị cấm trong quá trình thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thống đốc) có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này, nghiêm cấm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, người quản lý, người điều hành, người lao động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các hoạt động, giao dịch liên quan đến tài sản, công nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau đây:

1. Cất giấu, tẩu tán tài sản.

2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.

3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Cầm cố, thế chấp, tặng cho và cho thuê tài sản.

5. Ký kết thỏa thuận, hợp đồng mới trừ các thỏa thuận, hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt hoạt động.

6. Chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài.

Chương II
THU HỒI GIẤY PHÉP, THANH LÝ TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Mục 1
THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 7. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện

1. Chấp thuận đề nghị giải thể:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

(i) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về định giá, thẩm định giá tài sản, xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện định giá, thẩm định giá tài sản, xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật của năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể;

(ii) Xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và trên cơ sở kết quả định giá, thẩm định giá tài sản, xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại điểm a(i) khoản này;

(iii) Lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này và gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến:

(i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về thực trạng tổ chức, hoạt động, khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; quan điểm về việc thanh lý

tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý liên quan đến thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Trường hợp đồng ý việc thu hồi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng cử đại diện tham gia Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại Thông tư này;

(ii) Ủy ban nhân dân về quan điểm việc giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn;

(iii) Một số Bộ, ngành, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép (nếu xét thấy cần thiết);

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm b khoản này có văn bản tham gia ý kiến gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Quá thời hạn này, các cơ quan, đơn vị không có ý kiến coi như đồng ý việc giải thể, thu hồi Giấy phép;

d) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản chứng minh được khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đảm bảo quyền lợi cho khách nợ, chủ nợ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc:

(i) Có văn bản chấp thuận giải thể, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý tài sản, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý tài sản theo phương án thanh lý tài sản đã được chấp thuận; thành lập Tổ giám sát thanh lý; hoặc

(ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan;

đ) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm d(ii) khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc theo quy định tại điểm d(i) khoản này;

e) Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản không chứng minh được khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc có văn bản từ chối chấp thuận giải thể, trong đó nêu rõ lý do.

2. Thanh lý tài sản:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng thanh lý trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể có hiệu lực thi hành và tiến hành thanh lý tài sản theo quy định tại Mục 2 Chương này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị kết thúc thanh lý (bao gồm cả đề nghị kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) đối với các trường hợp kết thúc thanh lý quy định tại Điều 13 Thông tư này gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng;

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị kết thúc thanh lý (bao gồm cả đề nghị kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng;

d) Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng kết quả thanh lý và đề nghị kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp kết thúc thanh lý quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

đ) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản đề xuất Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng kết quả thanh lý và đề nghị kết thúc thanh lý đối với các trường hợp kết thúc thanh lý quy định tại Điều 13 Thông tư này (bao gồm cả đề nghị kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật).

3. Thu hồi Giấy phép:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này hoặc trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc:

(i) Có quyết định kết thúc thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này; hoặc

(ii) Có quyết định kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; hoặc

(iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm a(iii) khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc theo quy định tại điểm a(i), a(ii) khoản này;

c) Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này hoặc trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có quyết định hoặc văn bản theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Hồ sơ đề nghị giải thể:

a) Văn bản đề nghị giải thể do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ ký;

b) Phương án thanh lý tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(ii) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

(iii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

(iv) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng thanh lý) theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 10 Thông tư này;

(v) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể; trong đó xác định rõ khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

(vi) Lý do đề nghị giải thể tự nguyện;

(vii) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

(viii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nêu rõ kế hoạch chuyển vốn, lợi nhuận và tài sản ra nước ngoài;

(ix) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;

(x) Kiến nghị, đề xuất (nếu có);

c) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể, phương án thanh lý tài sản;

d) Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể theo yêu cầu của ngân hàng mẹ, hồ sơ phải có biên bản, nghị quyết, quyết định của ngân hàng mẹ về việc giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Báo cáo kết quả định giá, thẩm định giá tài sản, xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại điểm a(i) khoản 1 Điều này;

e) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giải thể chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán độc lập phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép

1. Căn cứ kết luận thanh tra hoặc kết quả hoạt động giám sát ngân hàng về việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền về chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản; thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.

2. Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 7, Mục 2 Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Công bố thông tin và thực hiện thủ tục chấm dứt pháp nhân, chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể quy định tại điểm d(i) khoản 1 Điều 7 Thông tư này, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố trên một tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng, trụ sở chính của chi nhánh ngân hàng nước ngoài các thông tin sau đây:

a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận giải thể, văn bản của Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

c) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

d) Vốn điều lệ, vốn được cấp;

đ) Người đại diện theo pháp luật.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng trên trang

thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Bộ Tài chính.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố quyết định thu hồi Giấy phép trên một tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; trụ sở chính của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục chấm dứt pháp nhân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Mục 2
THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 10. Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý

1. Thành phần Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng:

a) Thành phần Hội đồng thanh lý bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; tối thiểu một (01) thành viên độc lập của Hội đồng quản trị; Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng; một số thành viên khác trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát (nếu có); cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức họp để bầu một người

trong số các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên còn lại thuộc danh sách Hội đồng thanh lý được cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua theo quy định tại điểm a khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý.

2. Thành phần Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Hội đồng thanh lý bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, tối thiểu một (01) thành viên do ngân hàng mẹ chỉ định và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cơ quan có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý;

b) Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), ngân hàng mẹ chỉ định một người trong số các thành viên Hội đồng thanh lý đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định Hội đồng thanh lý theo thành phần quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đối với trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện.

4. Thống đốc quyết định Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép như sau:

a) Thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hoặc

b) Thành phần khác trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đề nghị thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý:

a) Được sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Rà soát toàn bộ các khoản mục của tài sản có và tài sản nợ, các khoản mục ngoại bảng của bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, lập danh sách và số tiền của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và danh mục tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để xử lý;

c) Thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, tìm mọi biện pháp để thu hồi nợ và các tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Trong vòng năm (05) ngày làm việc đầu tiên hàng tháng hoặc đột xuất, báo cáo Tổ giám sát thanh lý về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác;

đ) Chi phí liên quan đến hoạt động của Hội đồng thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 11. Thứ tự phân chia tài sản

1. Việc phân chia tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản vay đặc biệt theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

b) Các khoản lệ phí, chi phí thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

d) Các khoản chi trả cho người gửi tiền;

đ) Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

e) Các khoản nợ khác.

2. Trường hợp giá trị tài sản của tổ chức tín dụng sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được chia cho các cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thực hiện việc phân chia tài sản.

3. Trường hợp giá trị tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được thanh toán cho ngân hàng mẹ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Thời hạn thanh lý

1. Thời hạn thanh lý là mười hai (12) tháng kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài

sản có hiệu lực thi hành. Thời hạn thanh lý có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá mười hai (12) tháng.

2. Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, trước ngày kết thúc thời hạn thanh lý bốn mươi lăm (45) ngày, Hội đồng thanh lý có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng. Trường hợp không thuộc trường hợp kết thúc thanh lý theo quy định tại Điều 13 Thông tư này mà Hội đồng thanh lý không có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, Tổ giám sát thanh lý xem xét có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề xuất Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.

4. Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.

Điều 13. Các trường hợp kết thúc thanh lý

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kết thúc thanh lý trong các trường hợp sau đây:

1. Đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ.

Mục 3
GIÁM SÁT THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Tổ giám sát thanh lý

1. Thống đốc quyết định việc thành lập Tổ giám sát thanh lý, chỉ định Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý, việc sử dụng con dấu của Tổ giám sát thanh lý, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ giám sát thanh lý.

2. Tổ giám sát thanh lý có tối thiểu (05) thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này bao gồm:

a) Đại diện Ngân hàng Nhà nước;

b) Đại diện của tổ chức tín dụng khác được chỉ định theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng đó (trường hợp Thống đốc chỉ định một tổ chức tín dụng khác tham gia giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng).

Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Tổ giám sát thanh lý

1. Có bằng Đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có ít nhất ba (03) năm công tác trong ngành ngân hàng hoặc bảo hiểm tiền gửi.

2. Không phải là cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý tài sản.

Điều 16. Cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý

1. Các thành viên Tổ giám sát thanh lý làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm.

2. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và các thành viên chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng và Thống đốc về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

3. Phiên họp của Tổ giám sát thanh lý chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ giám sát thanh lý chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp. Trường

hợp có số phiếu biểu quyết hợp lệ ngang nhau thì nội dung có phiếu biểu quyết tán thành của Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý là nội dung được thông qua.

4. Chi phí liên quan đến hoạt động của Tổ giám sát thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

5. Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Thống đốc có quyết định kết thúc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật, Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Thống đốc có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để kiểm soát hoạt động của tổ chức tín dụng.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý

1. Chỉ đạo, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm kê toàn bộ công nợ, các khoản phải thu, phải trả; yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mời các chủ nợ, khách nợ đến đối chiếu để xác định khả năng thanh toán và nguồn trả nợ.

2. Yêu cầu Hội đồng thanh lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản, thực hiện việc chi trả cho các chủ nợ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.

3. Giám sát toàn bộ quá trình thanh lý tài sản theo quy định tại Thông tư này và quyết định của Thống đốc quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

4.[2] Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc đầu tiên hằng tháng hoặc đột xuất, Tổ giám sát thanh lý lập báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết có văn bản đề nghị các cơ quan liên quan hỗ trợ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

5. Được quyền đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có quyết định đình chỉ hoạt động của thành viên Hội đồng thanh lý cố ý vi phạm luật pháp hoặc không thực hiện theo kế hoạch thanh lý tài sản hoặc có hành vi tẩu tán tài sản, từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng, trình Thống đốc có văn bản yêu cầu các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các cá nhân sai phạm (nếu có).

6. Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thống đốc, Ủy ban nhân dân xử lý những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

7. Tổ giám sát thanh lý chịu sự chỉ đạo của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng.

8. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Chương III
THU HỒI GIẤY PHÉP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Điều 18. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện

1. Trường hợp văn phòng đại diện đề nghị chấm dứt hoạt động:

a) Văn phòng đại diện lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này và gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ và có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết);

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị được gửi lấy ý kiến theo quy định

tại điểm b khoản này có văn bản tham gia ý kiến gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Quá thời hạn này, các đơn vị không có ý kiến coi như đồng ý việc chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép;

d) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc:

(i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu, thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; hoặc

(ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan;

đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của văn phòng đại diện quy định tại điểm d(ii) khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc theo quy định tại điểm d(i) khoản này;

e) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Ngân hàng Nhà nước có quyết định hoặc văn bản theo quy định tại điểm d khoản này.

2. Trường hợp văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép:

Căn cứ kết luận thanh tra hoặc kết quả hoạt động giám sát ngân hàng về việc thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu, thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Hồ sơ thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện

1. Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép.

2. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện.

3. Trường hợp văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), hồ sơ phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính về việc giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động.

Điều 20. Công bố Quyết định thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước việc thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến văn phòng đại diện, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, văn phòng đại diện phải công bố quyết định thu hồi Giấy phép trên một tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở văn phòng đại diện.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[3]

[3] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Công ty thông tin tín dụng, Các cơ sở in, đúc tiền, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN;

b) Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 44/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN./."

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài, văn phòng đại diện có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thực trạng về tổ chức và hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện; thực hiện chế độ báo cáo và các quy định của pháp luật có liên quan việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm xử lý các kiến nghị liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý; trình Thống đốc xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quá trình thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt chi nhánh có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang tiến hành thanh lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 34/2011/TT-NHNN ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Thống đốc hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc về sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2018.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 34/2011/TT-NHNN ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Thống đốc hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

b) Điều 7 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc về sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Mẫu số 01[4]

TỔ GIÁM SÁT THANH LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO GIÁM SÁT THANH LÝ TÀI SẢN THÁNG..../.....

I. Tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác

II. Khó khăn, vướng mắc (nếu có)

III. Ý kiến đề xuất

TỔ TRƯỞNG TỔ GIÁM SÁT THANH LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 29/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2019
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

[4] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng